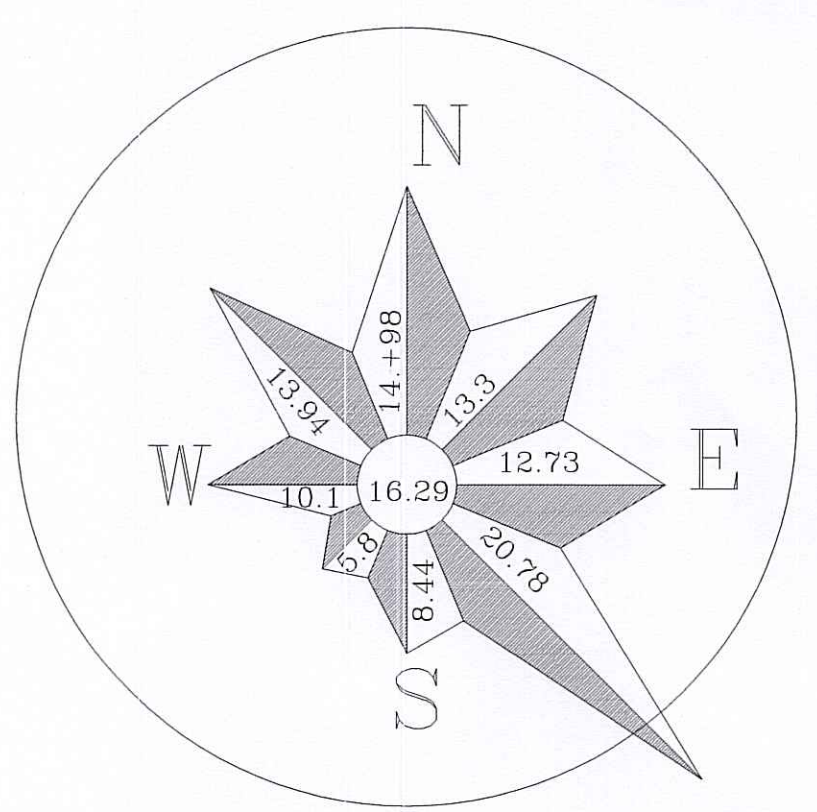
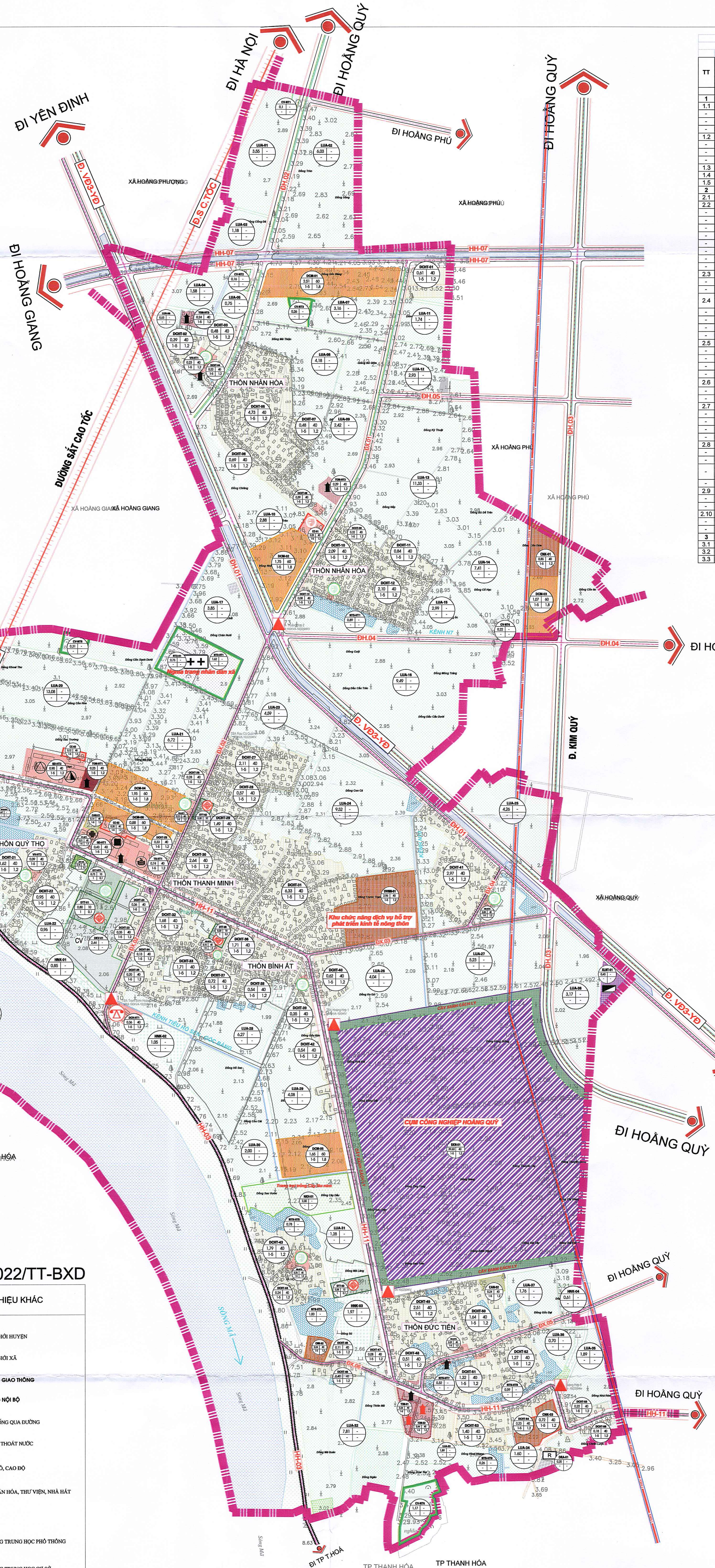


QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOÀNG HỢP
HUYỆN HOÀNG HOÁ ĐẾN NĂM 2030
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2030
XÃ HOÀNG HỢP - HUYỆN HOÀNG HOÁ - TỈNH THANH HÓA

STT	Hạng mục	Ký hiệu ô đất	Diện tích QH	Địa điểm	Vị trí	Giai đoạn thực hiện
1	Xây dựng trụ sở công an xã	CAN-01	0,14	Thôn Quý Thọ	Bắc Trạm y tế	2021-2025
2	Quy hoạch khu văn hoá, thể thao thôn	CC-01	0,26	Thôn Nhân Hoà	Lò gạch, thôn Nhân Hoà	2021-2025
3	Mở rộng trường Mầm non	CC-02	0,20	Thôn Quý Thọ	Đông Đụp thôn Quý Thọ	2021-2025
4	Mở rộng trường THCS	CC-03	0,12	Thôn Quý Thọ	Đông Sau trường thôn Quý Thọ	2021-2025
5	Mở rộng sân vận động xã	DTT-01	0,80	Thôn Thanh Minh	Phía Nam sân vận động xã	2021-2025
6	Quy hoạch sân thể thao thôn	DTT-02	0,20	Thôn Thanh Minh	Cồn Bụt thôn Thanh Minh	2021-2025
7	Quy hoạch sân thể thao thôn	DTT-03	0,38	Thôn Đức Tiến	Lò gạch, thôn Đức Tiến	2021-2025
8	Quy hoạch sân thể thao thôn	DTT-04	0,20	Thôn Quý Thọ	Đông Nam thôn Quý Thọ	2021-2025
9	Quy hoạch sân thể thao thôn	DTT-05	0,20	Thôn Bình Át	Bắc Nhà văn hoá	2021-2025
10	Quy hoạch trung tâm VH-TDTT xã	DTT-06	0,15	Thôn Quý Thọ	Đổi diện trường Mầm non	2021-2025
11	Quy hoạch Công viên vui chơi	DKV-01	2,44	Thôn Quý Thọ	Nam Sân vận động	2026-2030
12	Khu dân cư mới thôn Nhân Hoà (KV1)	DCM-01	2,51	Thôn Nhân Hoà	Đông Hẻm, Đông Hương Lai dưới, Đông Nô dưới	2026-2030
13	Khu dân cư mới thôn Nhân Hoà (KV2)	DCM-02	1,75	Thôn Nhân Hoà	Đông Trên, Đông Nhồi	2021-2025
14	Khu dân cư mới thôn Nhân Hoà (KV3)	DCM-03	1,07	Thôn Nhân Hoà	Đông Cồn Dừa	2026-2030
15	Khu dân cư mới thôn Thanh Minh	DCM-04	2,83	Thôn Thanh Minh	Đông Mã Bạt	2021-2025
16	Khu dân cư mới thôn Bình Át	DCM-05	1,65	Thôn Bình Át	Cồn Cát, Sau Vườn, Khu thuật thôn Bình Át	2026-2030
17	Quy hoạch mở rộng chùa	TON-01	0,70	Thôn Đức Tiến	Cửa chùa thôn Đức Tiến	2026-2030
18	Quy hoạch chùa Lộc Bồi	TON-02	0,60	Thôn Quý Thọ	Thôn Quý Thọ	2021-2025
19	Quy hoạch Khu TMDV	CNK-01	0,85	Thôn Nhân Hoà	Đông Cồn Dừa	2021-2025
20	Quy hoạch Khu TMDV	CNK-02	0,34	Thôn Đức Tiến	Khu chân đê	2021-2025
21	Quy hoạch Khu TMDV	CNK-03	0,72	Thôn Đức Tiến	Phía Nam TBA Đức Tiến	2021-2025
22	Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	DVNN-01	2,96	Thôn Bình Át	Lạc	2021-2025
23	Quy hoạch Cụm công nghiệp Hoàng Quý	SKN-01	39,60	Thôn Đức Tiến, Bình Át, Thanh Minh		2026-2030
24	Quy hoạch trang trại trồng CLN	NKH-01	2,30	Thôn Đức Tiến	Sau Vườn, Cây dàu thôn Bình Át, thôn Đức Tiến	2021-2025
25	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã	NTD-01	1,62	Thôn Quý Thọ	Đông Chấn nuôi	2026-2030
26	Bãi tập kết rác thải	DRA-01	0,20	Thôn Đức Tiến	Khu Đông Chiến Lược giáp TP TH	2026-2030
27	Khu xử lý nước thải	XLNT-01	0,43	Thôn Bình Át	Giáp Hoàng Quý	2026-2030
28	Khu Phòng cháy chữa cháy cho CCN Hoàng Quý	CAN-02	0,24	Thôn Đức Tiến	Phía Nam CCN	2026-2030



BIÊN ĐỘNG MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030 SO VỚI NĂM 2020
Xã Hoàng Hợp - huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hoá

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch năm 2020	Hiện trạng năm 2025	Quy hoạch năm 2025	So sánh 2020/2025	So sánh 2020/2030
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)		
1	Tổng diện tích đất tự nhiên	437,68	100,00	437,68	100,00	0,00	0,00
1.1	Đất nông nghiệp	286,10	65,38	286,10	65,38	0,00	0,00
1.1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	251,44	57,45	238,31	54,45	-13,13	-13,13
1.1.2	Đất trồng lúa	226,39	51,72	213,47	48,77	-12,92	-12,92
1.1.3	Đất trồng cây lâu năm khác	24,75	5,63	17,63	4,02	-7,12	-7,12
1.1.4	Đất rừng cây lâu năm	10,96	2,50	10,96	2,50	0,00	0,00
1.2	Đất sản xuất rừng nghiệp	10,96	2,50	10,96	2,50	0,00	0,00
1.2.1	Đất rừng phòng hộ	10,96	2,50	10,96	2,50	0,00	0,00
1.2.2	Đất rừng đặc dụng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	12,89	2,95	12,89	2,95	0,00	0,00
1.4	Đất làm muối	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.5	Đất nông nghiệp khác	114,27	26,11	127,73	29,18	13,46	13,46
2	Đất xây dựng	144,27	32,89	144,27	32,89	0,00	0,00
2.1	Đất ở	40,78	9,30	40,78	9,30	0,00	0,00
2.2	Đất công cộng	4,82	1,10	4,82	1,10	0,00	0,00
2.3	Đất xây dựng cơ sở hạ tầng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.4	Đất xây dựng cơ sở hạ tầng khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.5	Đất xây dựng cơ sở hạ tầng khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.6	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật, viễn thông	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.7	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.8	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, danh thắng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.10	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, danh thắng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.11	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.12	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.13	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.14	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.15	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.16	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.17	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.18	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.19	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.20	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.21	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.22	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.23	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.24	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.25	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.26	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.27	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.28	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.29	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.30	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.31	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.32	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.33	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.34	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.35	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.36	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.37	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.38	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.39	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.40	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.41	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.42	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.43	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.44	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.45	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.46	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.47	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.48	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.49	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.50	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.51	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.52	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.53	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.54	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.55	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.56	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.57	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.58	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.59	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.60	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.61	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.62	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.63	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.64	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.65	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.66	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.67	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.68	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.69	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.70	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.71	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.72	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.73	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.74	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.75	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.76	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.77	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.78	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.79	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.80	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.81	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.82	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.83	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.84	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.85	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.86	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.87	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.88	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.89	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.90	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.91	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.92	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.93	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.94	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.95	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.96	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.97	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.98	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.99	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Đất chưa sử dụng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

BẢNG KÝ HIỆU				Số: 04/2022/TT-BXD
TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH		CÁC KÝ HIỆU KHÁC
		NGÂN HẠN 2025	ĐẠI HẠN 2030	
I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP				
- Đất trồng lúa				RANH GIỚI HUYỆN
- Đất trồng trọt khác				RANH GIỚI XÃ
- Đất rừng sản xuất				ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- Đất rừng phòng hộ				ĐƯỜNG NỘI BỘ
- Đất rừng đặc dụng				CẦU, CỐNG QUÁ ĐƯỜNG
- Đất nuôi trồng thủy sản				HƯỚNG THUẬT NƯỚC
- Đất làm muối				BÌNH ĐỒ, CAO ĐỘ
- Đất nông nghiệp khác				NHÀ VĂN HÓA, TRƯỞNG TIỂU HỌC, NHÀ ĐẤT
III. ĐẤT XÂY DỰNG				
- Đất ở				CHỢ
- Đất công cộng				TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
- Đất cây xanh, thể dục thể thao				TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- Đất tôn giáo, danh lam, di tích, đình đền				TRƯỜNG TIỂU HỌC
- Đất công nghiệp, TCN, làng nghề				TRƯỜNG MẦM NON
- Đất thương mại và SX vật liệu xây dựng				TRẠM Y TẾ
- Đất xây dựng các chức năng khác				TRẠM BIẾN ÁP ĐIỆN CỎ
- Đất hạ tầng kỹ thuật				KHU CÔNG NGHIỆP, TRƯỞNG CÔNG NGHIỆP
+ Đất xử lý chất thải rắn				TRẠM THU PHÂN SỬ DỤNG
+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa				TRƯỞNG SỞ
+ Đất hạ tầng kỹ thuật khác				NHÀ MÁY NƯỚC
- Đất hạ tầng phục vụ sản xuất				HỒ, ĐẬP XÂY, ĐẬP TRẦN
- Đất quốc phòng, an ninh				THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
III. ĐẤT KHÁC				
- Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng				CÔNG VIÊN CÂY KHANH
- Đất chưa sử dụng				TRẠM BƠM THUỘC HUY
				P BỐN XE KHÁCH